

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2021/DS-ST

Ngày: 18/3/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Thanh

2. Bà Vương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021, Thông báo số 13/2021/TB-TA ngày 28/01/2021 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa và Thông báo số 50/2021/TB-TA ngày 23/02/2021 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T (TP Bank).

Trụ sở: Số 57, Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Phú - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Anh Nguyễn Trường L - nhân viên tổ tụng.

- Anh Nguyễn Thái S - Chuyên viên chăm sóc khách hàng.

(Theo văn bản ủy quyền số 579/2019/UQ.TPB.NHCN.RB ngày 27/11/2019).

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Huy H, sinh năm: 1989.

- Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp 5, xã LN, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Đoàn Văn Th, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xóm 10, xã Nam Thắng, huyện NT, tỉnh N.

(Anh S, anh L và anh H có mặt, chị H và anh Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/08/2019 và 20/10/2019, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H vay vốn tại Ngân hàng T (viết tắt TP bank) - chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 423/2018/HĐTD/BHD/01 ngày 22/6/2018 cụ thể như sau: Số tiền vay 1.500.000.000đ, mục đích vay: Vay mua ô tô tải phục vụ mục đích vận chuyển hàng hóa của khách hàng trong đó có khoản vay thông thường số tiền 1.385.000.000đ, khoản vay tăng thêm số tiền 100.000.000đ và thanh toán phí bảo hiểm an tâm tín dụng số tiền 15.000.000đ. Thời hạn cho vay đối với số tiền 1.385.000.000đ và 15.000.000đ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn vay đối với khoản tiền 100.000.000đ là 36 tháng kể từ ngày giải ngân tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay (còn gọi là lãi suất trong hạn):

- Đối với số tiền 1.385.000.000đ và 15.000.000đ:

+ Lãi suất linh hoạt: Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 21/6/2019 là 9,0%/năm.

+ Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 22/6/2023: Lãi suất được chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của TP bank tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 6,65%/năm.

- Đối với số tiền 100.000.000đ:

+ Lãi suất linh hoạt như sau: Lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 15,3%/ năm.

Kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng /lần.

Lãi suất quá hạn và lãi phạt chậm trả:

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản vay của khách hàng bị chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng thời gian chậm trả, áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định của hợp đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI XCIENT, màu trắng, biển kiểm soát số 60C - 428.25, số khung LS1D476D6F0002724, số máy D6CF36E4FC002075.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh H, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với TP bank kể từ ngày 25/4/2019 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng cho vay nêu trên

tính đến ngày 18/3/2021 là 654.024.711đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 649.058.738đ, tiền nợ lãi là 4.965.644973đ.

Tuy nhiên, Ngân hàng mong muốn cho anh H và chị H có điều kiện trả nợ nên Ngân hàng đồng ý cho anh H và chị H trả nợ theo phương án sau:

Anh H và chị H trả nợ vào ngày 25 hàng tháng với số tiền là 29.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết nợ nêu trên. Nếu anh H và chị H vi phạm thời hạn trả nợ theo phương thức trên thì Ngân hàng sẽ làm đơn yêu cầu thi hành án bản án theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từ ngày 19/3/2021 đến ngày anh H, chị H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI XCIENT, màu trắng, biển kiểm soát số 60C - 428.25, số khung LS1D476D6F0002724, số máy D6CF36E4FC002075 là tài sản đảm bảo thi hành án. Trường hợp anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H không thanh toán nợ đúng hạn theo phương án nêu trên thì Ngân hàng sẽ yêu cầu kê biên, phát mại tài sản của anh H và chị H đã thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với hợp đồng mua bán xe giữa anh Nguyễn Huy H, anh Nguyễn Viết Kỳ đối với anh Đoàn Văn Th và anh Trần Minh Tuấn là vi phạm pháp luật vì vậy Ngân hàng không đồng ý với hợp đồng này, cũng không có yêu cầu gì đối với anh Đoàn Văn Th. Hợp đồng có nhân viên ngân hàng là anh Nguyễn Thái S là người chứng kiến thì Ngân hàng sẽ xử lý vấn đề nội bộ, không liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đối với việc xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá thì nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá do hiện tại xe đã giao cho người thứ 3 là anh Th quản lý, sử dụng nên ngân hàng không đưa xe về để tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá được, ngân hàng chịu trách nhiệm đối với yêu cầu này của mình. Đối với thông tin những người chuyển khoản vào tài khoản số 02050208801 của anh H thì ngân hàng không có thông tin về họ tên, năm sinh và địa chỉ để cung cấp cho Tòa án.

- Theo bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Huy H trình bày:

Anh chị thừa nhận vợ chồng anh có ký kết hợp đồng tín dụng và còn nợ lại Ngân hàng thương mại cổ phần T tính đến ngày 18/3/2021 là 654.024.711đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 649.058.738đ, tiền nợ lãi là 4.965.973đ. Vợ chồng anh đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng theo phương án trả nợ mà Ngân hàng đưa ra. Anh đồng ý đưa tài sản đã thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án và chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Những người có tên nộp tiền vào tài khoản của anh để thanh toán tiền cho Ngân hàng là khách hàng mà anh chạy xe. Khi anh chở hàng cho họ xong nhưng không nhận tiền mặt mà đề nghị khách hàng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của anh tại Ngân hàng thương mại cổ phần T mà anh mở để cần trừ vào tiền nợ mua xe của anh. Do các khách hàng ở nhiều nơi và anh chị đã giao xe cho anh Th quản lý, sử dụng từ tháng 3/2020 nên anh không còn chạy xe nữa nên anh không cung cấp được thông tin những người này. Anh khẳng định việc những người có

tên Nguyen Viet Ky, Vu Minh, Tran Thi Thuy, Nguyen Thi Lan, Le Thi Kim Huong, Bui Duc Hoang, Vo Hoai Tan nộp tiền vào tài khoản của anh là để trả tiền hàng, nhưng do tài khoản anh mở cũng là tài khoản để Ngân hàng cần trừ nợ nên anh có nhờ khách ghi chú khoản tiền để biết. Đối với anh Nam là người chạy xe cho anh Th nên anh Nam có đóng tiền thay cho anh Th. Đối với anh Đoàn Văn Th thì nhận chuyển nhượng xe của anh và chịu trách nhiệm đối với anh theo hợp đồng mua bán xe đã ký vì vậy anh không có yêu cầu gì đối với anh Th.

- Theo biên bản làm việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn Th trình bày:

Ngày 09/3/2020, anh có nhận chuyển nhượng xe tải của anh H, chị H có đặc điểm: Biển số 60B - 428.35, nhãn hiệu HUYNHDAI, dung tích xi lanh 12742cm³; loại xe: tải có mui, màu S: trắng, số máy D6CF36E4FC002075, số khung LS1D476D6F0002724, giấy đăng ký xe số 116805 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/6/2018 với giá 1.403.777.780đ. Phương thức thanh toán là tiền mặt/chuyển khoản. Do khi chuyển nhượng thì anh H, chị H đang nợ tiền mua xe của ngân hàng nên anh có thanh toán toàn bộ số tiền nợ quá hạn của anh H, chị H tại ngân hàng TMCP T là 426.000.000đ vào hai đợt: ngày 21/02/2020 với số tiền 200.000.000đ, ngày 09/3/2020 với số tiền 226.000.000đ. Còn lại số tiền 977.777.780đ thì anh tiếp tục trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà anh H, chị H đã ký với ngân hàng. Trong hợp đồng có điều khoản yêu cầu bên B là anh phải đóng tiền cho ngân hàng đúng hạn, nếu trễ quá hạn 02 tháng thì bên A là anh H, chị H và ngân hàng có quyền thu hồi xe. Khi hai bên chuyển nhượng thì có sự đồng ý của nhân viên ngân hàng là anh Nguyễn Thái S là đại diện của ngân hàng đứng ra làm hồ sơ vay tiền cho anh H, chị H. Theo hợp đồng chuyển nhượng thì bên B có ông Trần Minh Tuấn là lái xe của anh, địa chỉ: số 4/17/319, đường Văn Cao, phường Văn Miếu, thành phố N, tỉnh N, nhưng ông Tuấn chỉ ký xác nhận có việc giao dịch chứ thực tế ông Tuấn không bỏ tiền mua xe. Từ sau khi nhận chuyển nhượng xe đến nay, anh tiếp tục đóng các khoản nợ phát sinh hàng tháng cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký thay cho anh H và chị H đúng thời hạn. Khi đến hạn đóng tiền hàng tháng thì anh giao tiền cho anh Trần Đức Nam là lái xe đi đóng thay. Anh khẳng định tiền mà anh Nam đóng cho ngân hàng để trả tiền xe là tiền của anh giao cho anh Nam đi đóng thay.

Hợp đồng mua bán xe do anh S soạn sẵn nên đề ngày 21/02/2020 nhưng thực tế đến ngày 09/3/2020 thì các bên mới thực sự giao dịch và ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP T khởi kiện anh H và chị H thì anh không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc mua bán xe và tiền đã trả cho ngân hàng trong vụ án nói trên. Nếu sau này giữa anh và anh H, chị H phát sinh tranh chấp thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án không đưa anh tham gia tố tụng và triệu tập làm việc, đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp về việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cơ bản đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và giao nhận văn bản tố tụng: Tòa án xác định và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về số nợ, phương án trả nợ, phương án trả nợ và án phí. Các nội dung thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản đảm bảo thi hành án: Các đương sự thực hiện việc thế chấp tài sản là xe ô tô đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Tài sản đang thế chấp Ngân hàng nhưng anh H đem chuyển nhượng cho anh Th chưa có ý kiến đồng ý của người đại hợp pháp của Ngân hàng là trái pháp luật, nên hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu ngay từ khi chuyển nhượng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng đưa chiếc xe đang thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa thì Ngân hàng và anh H thỏa thuận đồng ý đưa tài sản thế chấp làm tài sản thi hành án. Xét thấy, thỏa thuận này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Đoàn Văn Th nên không ghi nhận mà đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về số nợ, phương án trả nợ và tiếp tục trả theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi hết nợ. Xác định tài sản thế chấp là tài sản đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng mua bán xe giữa anh H với anh Th và việc anh Th trả tiền ngân hàng thay anh H chị H thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Nguyễn Huy H và chị Phan Thị Bích H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ: Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ, tiến hành công khai chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng công khai lại tất cả chứng cứ thu thập được, các đương sự không cung cấp chứng cứ mới.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Phạm Thị Bích H và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn Th yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị H, anh Th.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và hợp đồng tín dụng ký kết thì Ngân hàng và anh H, chị H xác lập giao dịch hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản là xe ô tô với đặc điểm mô tả theo hợp đồng. Do anh H, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh chị phải có trách nhiệm trả nợ. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần T là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H là người bị kiện nên xác định là bị đơn; anh Đoàn Văn Th là người mua xe và đã trả cho ngân hàng một số tiền mà anh H và chị H đã vay nên xác định anh Đoàn Văn Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Đối với anh Trần Đức Nam là người đứng tên trả tiền cho Ngân hàng hai lần, theo anh H khai thì anh Nam trú tại xã Nam Thắng, huyện NT, tỉnh N, Tòa án đã đưa anh Nam tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên, kết quả ủy thác thu thập chứng cứ xác định anh Nam không trú tại xã Nam Thắng, huyện NT, do không xác định được địa chỉ của anh Nam nên Tòa án đã có thông báo đình chính không đưa anh Nam tham gia tố tụng trong vụ án. Đối với những người có họ tên chưa rõ ràng gồm Nguyen Viet Ky, Vu Minh, Tran Thi Thuy, Nguyen Thi Lan, Le Thi Kim Huong, Bui Duc Hoang, Vo Hoai Tan nộp tiền vào tài khoản của anh H là để trả tiền hàng, anh H không cung cấp được tên tuổi, địa chỉ nên không đưa tham gia tố tụng.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự trong vụ án không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án theo Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.6] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H đăng ký thường trú tại xã LN, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.7] Về điều luật áp dụng để giải quyết vụ án: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quy định về án phí và quyền kháng cáo thì áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 184, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[1.8] Về xem xét, thẩm định tại chỗ đối với xe ô tô: Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng mang xe đến trụ sở Tòa án để thực hiện việc xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp nhưng Ngân hàng không thực hiện. Do đó, căn cứ vào hợp đồng cho vay và thế chấp để xác định tài sản đảm bảo thi hành án.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng T: Tại phiên tòa Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện yêu cầu anh H và chị H trả số tiền nợ tính đến ngày 18/3/2021 là 654.024.711đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 649.058.738đ, tiền nợ lãi là 4.965.644973đ. Tuy nhiên để anh H và chị H có điều kiện trả nợ, Ngân hàng đồng ý thực hiện phương án sau:

Anh H và chị H trả nợ cho Ngân hàng vào ngày 25 hàng tháng với số tiền là 29.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết nợ. Nếu anh H và chị H vi phạm thời hạn trả nợ thì Ngân hàng sẽ làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho từ ngày 19/3/2021 đến ngày anh H, chị H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Anh H cũng đồng ý với số nợ, phương án trả nợ mà ngân hàng đưa ra, đồng ý trả tiền lãi từ ngày 19/3/2021 đến khi thanh toán xong nợ, đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và cũng đồng ý đưa tài sản thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án.

Xét thấy, các đương sự thỏa thuận được về số nợ, phương án trả nợ, số tiền lãi phải trả sau khi tuyên án và tiền án phí. Sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận ý kiến này của các đương sự trong bản án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu Ngân hàng TP Bank về việc đưa tài sản đã thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án, anh H cũng đồng ý đưa tài sản thế chấp làm tài sản thi hành án. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này giữa ngân hàng với anh H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Th nên hội đồng xét xử không ghi nhận, bởi lẽ: Ngân hàng đã cung cấp hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với anh H và chị H, xét hợp đồng thế chấp tài sản đã được hai bên tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô thì anh H và chị H đã bán xe cho anh Th. Việc mua bán hai bên có lập hợp đồng, trong đó có người làm chứng là anh Nguyễn Thái S là nhân viên Ngân hàng TP Bank. Xét hợp đồng mua bán xe giữa anh H với anh Th là trái pháp luật vì chủ sở hữu xe là anh H và chị H (anh chị là người đứng tên vay và thế chấp tài sản cho Ngân hàng) nhưng chỉ có một mình anh H ký tên bán, đồng thời chiếc xe là tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay của ngân hàng nhưng người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chưa có ý kiến đồng ý bằng văn bản (dù có chữ ký của anh Nguyễn Thái S là nhân viên ngân hàng ký với tư cách là người làm chứng), hợp đồng không có công chứng chứng thực nên yêu cầu này của Ngân hàng TP Bank đưa tài sản thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TP Bank, đưa tài sản đã thế chấp theo hợp đồng cho vay và thế chấp nêu trên làm tài sản đảm bảo thi hành án. Hội đồng

xét xử không ghi nhận ý kiến thỏa thuận đưa tài sản thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án của anh H và Ngân hàng tại phiên tòa.

Anh Th, anh H khai không tranh chấp về hợp đồng mua bán xe, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Đồng thời, sau khi mua xe từ anh H thì anh Th đã trả nợ cho Ngân hàng thay anh H và chị H, anh Th cũng không tranh chấp trong vụ án này. Do đó không xem xét giải quyết. Anh Th, anh H và chị H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí:

Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là $20.000.000đ + (254.024.711đ \times 4\%) = 30.160.000đ$ (làm tròn số).

Hoàn trả số tiền 25.278.000đ tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại cổ phần T đã nộp theo biên lai thu số 0002825 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 184, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất và phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T (TP Bank) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H.

Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T (TP Bank) tổng số tiền là 654.024.711đ (sáu trăm năm mươi bốn triệu không trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm mười một đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 649.058.738đ, tiền nợ lãi trong hạn là 4.965.973đ .

Phương thức trả nợ: Anh H và chị H trả nợ vào ngày 25 hàng tháng với số tiền là 29.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp anh H và chị H vi phạm thời hạn trả nợ theo phương thức trả nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền làm đơn làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tài sản đảm bảo thi hành án là: Xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI XCIENT, màu trắng, biển kiểm soát số 60C - 428.25, số khung LS1D476D6F0002724, số máy D6CF36E4FC002075 do anh Nguyễn Huy H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (theo hợp đồng vay và thế chấp số 423/2018/HDTD/BHA/01 ngày 22/6/2018).

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Bích H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.160.000đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 25.278.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002825 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào án phí.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần T (TP Bank) và anh Nguyễn Huy H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Bích H và anh Đoàn Văn Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Hà

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phan Thanh Hà